TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 8 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Mậu Thìn

Bà Quách Thị Thêu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp H, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Chang Chin J, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số K, lộ C, K0MB, phường K, khu L, thành phố C, Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07/9/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Về hôn nhân : Bà và ông Chang Chin J kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống tại ấp H, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu 02 lần, mỗi lần khoảng 07 ngày. Từ tháng 4 năm 2014 đến nay ông bà không còn liên lạc gì với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn nữa. Do đó, bà xin được ly hôn với ông Chang Chin J.

Về con chung : Vợ chồng ông bà không có con chung nên khô ng yêu cầu Tòa án gi ải quyết ; về tài sản chung : Vợ chồng ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Đối với bị đơn ông Chang Chin J*:* Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện việc ủy thác tư pháp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của ông Chang Chin J về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa ông với bà Nguyễn Thị Thu L và ông cũng không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, ông Chang Chin J cũng không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu L có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Chang Chin J. Bà L xác định sau khi kết hôn bà L sống tại Việt Nam còn ông J ở bên Đài Loan. Do xa nhau thời gian khá dài nên giữa bà L và ông J không có thời gian quan tâm đến nhau, cũng như nảy sinh bất đồng trong quan niệm sống và công việc. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông J không tham dự nên không tiến hành hòa giải được, mục đích hôn nhân giữa chị L và ông J không đạt được và yêu cầu của bà L là tự nguyện, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* nên chấp nhận cho bà L và ông J ly hôn; về con chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu L được ly hôn đối với ông Chang Chin J.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Chang Chin J là người có quốc tịch Đài Loan hiện đang cư trú tại Đài Loan nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện việc tống đạt cho ông Chang Chin J theo đúng quy định của pháp luật. Tại

phiên tòa hôm nay, ông Chang Chin J đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Chang Chin J.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thu L và ông Chang Chin J tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/01/2014. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu L và ông Chang Chin J là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Sau khi kết hôn bà L và ông Chang Chin J chung sống với nhau 02 lần tại ấp H, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, mỗi lần khoảng 07 ngày. Từ tháng 4 năm 2014 đến nay ông bà sống xa nhau, không còn tình cảm. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…". Hiện nay, bà L và ông Chang Chin J sống xa nhau, không còn tình cảm và không còn liên lạc gì với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu L đối với ông Chang Chin J.

[3] Về con chung và tài sản chung (tài sản có và tài sản nợ): Bà Nguyễn Thị Thu L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà không có con chung và tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu theo quy định của pháp luật .

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L, xử cho bà Nguyễn Thị Thu L được ly hôn với ông Chang Chin J. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với ông Chang Chin J.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu L được ly hôn với ông Chang Chin J.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung (tài sản có và tài sản nợ): Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009590 ngày 06/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp:

Bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp. Bà L đã nộp tiền lệ phí ủy thác tư pháp số tiền 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0001187 ngày 19/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu lệ phí ủy thác tư pháp.

6. Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Thu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Chang Chin J có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật .

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Đương sự (02 bản);
- Lưu: HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Ngọc Như